SAO Y
Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Cơ quan:
Thời gian ký: 29.10.2026 15:06:26 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 105 /2026/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ đối với doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH15 và Luật số 22/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ đối với doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ đối với các doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong vòng 05 (năm) năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (sau đây gọi là chủ đầu tư - đối tượng hoàn trả); bao gồm:

a) Có quỹ đất dành cho doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này thuê lại đất theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Đã ký hợp đồng cho thuê đất với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó bao gồm thông tin giá cho thuê lại đất đã được giảm theo mức giảm quy định tại Điều 3 Quyết định này;

c) Đã được doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này thanh toán tiền thuê lại đất theo hợp đồng trong năm đề nghị hoàn trả. Thời điểm chủ đầu tư đề nghị hoàn trả tiền thuê lại đất không quá 12 tháng kể từ thời điểm các bên thực hiện thanh toán tiền thuê lại đất theo hợp đồng cho thuê đất đã ký.

2. Các doanh nghiệp thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP (sau đây gọi là doanh nghiệp được hỗ trợ), bao gồm:

a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật công nghệ cao và thuộc loại hình kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn;

c) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thủ tục hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

Điều 3. Mức giảm tiền thuê lại đất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ

Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này được giảm 30% tiền thuê lại đất trong vòng 05 (năm) năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Sở Tài chính phối hợp cùng Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu kinh tế thành phố; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Thuế thành phố Đồng Nai cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện thủ tục hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và quy định tại Quyết định này, cụ thể như sau:

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí ngân sách hoàn trả tiền thuê lại đất cho chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ;

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị hoàn trả số tiền thuê lại đất mà chủ đầu tư đã giảm cho doanh nghiệp được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

2. Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, theo dõi, tổng hợp tình hình và dự kiến nhu cầu thực hiện giảm tiền thuê lại đất năm sau; đôn đốc chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý để báo cáo danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ; xác định đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ. Kết quả thực hiện gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hàng năm hoặc khi có yêu cầu làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước để hoàn trả tiền thuê lại đất cho chủ đầu tư năm sau.

3. Thuế thành phố

a) Xác nhận tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu của doanh nghiệp thuê lại đất làm cơ sở xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định;

b) Thanh toán bù trừ vào số tiền thuê đất mà chủ đầu tư phải nộp trong năm đối với trường hợp chủ đầu tư trả tiền thuê đất hàng năm và chưa thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất này. Hạch toán, theo dõi số tiền thuê đất mà chủ đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Kho bạc Nhà nước khu vực XVII

Hoàn trả từ nguồn ngân sách nhà nước vào tài khoản của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các trường hợp như sau:

a) Trường hợp chủ đầu tư đã nộp đủ tiền thuê đất hoặc được Nhà nước miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê.

b) Trường hợp khoản giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp lớn hơn số tiền thuê đất mà chủ đầu tư phải nộp trong năm thì chủ đầu tư được hoàn trả từ nguồn ngân sách nhà nước đối với khoản chênh lệch này.

5. Các doanh nghiệp thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ

Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng, cơ quan, tổ chức hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

6. Chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ:

Rà soát thông tin, tài liệu do doanh nghiệp cung cấp bảo đảm tính đầy đủ, chính xác; hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP; gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này để theo dõi, tổng hợp, xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ trước khi gửi Sở Tài chính để thực hiện thủ tục hoàn trả theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

7. Bảo hiểm xã hội thành phố

Cung cấp, xác nhận thông tin về số lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp làm cơ sở xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố trong việc phổ biến, tuyên truyền rộng rãi chính sách hỗ trợ đến các doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng trên địa bàn quản lý; phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình thực tế sử dụng đất của các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

9. Các tổ chức chính trị - xã hội, Liên đoàn doanh nghiệp thành phố, các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố

Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

10. Kiểm tra, giám sát, báo cáo

a) Các Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân

dân các xã, phường, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xác nhận sai hoặc để xảy ra việc lợi dụng chính sách;

b) Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chính sách, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 11 hàng năm; tham mưu đề xuất điều chỉnh, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

11. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần thiết, trên cơ sở kết quả thực hiện mức hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất; các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để rà soát, đánh giá mức hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất được quy định tại Quyết định này, đề xuất điều chỉnh (nếu có); gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Thuế thành phố Đồng Nai; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII; Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Doanh nghiệp quy định tại Điều 2 Quyết định này; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Công báo điện tử thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai (Cổng Thông tin điện tử của thành phố);
- Lưu VT, TH, KTNS (120...b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Anh